

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 4 năm 2018
"V/v tranh chấp Hôn nhân và
gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Linh

2. Bà Lê Thị Bích Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Đàm Thị T, sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 08 tháng 4 năm 2018 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn - anh Nguyễn Văn T trình bày.

Về tình cảm: Anh kết hôn với chị Đàm Thị T ngày 23/11/2017. Trước khi cưới có được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong chị T về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh. Tình cảm

vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì đến khoảng tháng 9 năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không bảo ban, thống nhất được với nhau về việc làm ăn kinh tế, vợ chồng không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm, cãi chửi, va chạm nhau nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 10 năm 2017, chị T bỏ vào Miền Nam làm ăn sinh sống đến tháng 12 năm 2017 chị về nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/5/2008 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 10/10/2010 (hiện cả hai con chung đang ở cùng anh). Ly hôn, anh xin nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - chị Đàm Thị T vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã ủy thác lấy lời khai của chị T. Tại bản tự khai ngày 06 tháng 02 năm 2018, chị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào năm 2007. Cưới xong, chị về ở chung cùng gia đình anh T. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình tình không hợp nhau. Đến tháng 01 năm 2018 chị chuyển vào thành phố B, tỉnh Đắk Lắk sinh sống (có đăng ký tạm trú). Nay anh T xin ly hôn chị cũng nhất trí và chị đồng ý chọn Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường là nơi giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Ly hôn, chị đồng ý để anh T nuôi cả hai con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức lao động: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị Đàm Thị T không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành hòa giải được.

Cháu Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Tấn T là hai con của anh Nguyễn Văn T và chị Đàm Thị T đều trình bày: Nay bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở cùng với bố cháu.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã cung cấp: Ngày 23 tháng 11 năm 2007, Anh T và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, cưới xong chị T về làm dâu nhà anh T. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không rõ. Đến năm 2016, anh chị mâu thuẫn căng thẳng, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở được một thời gian thì chị vào thành phố B làm ăn. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/5/2008 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 10/10/2010, hiện đang ở cùng anh T. Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh chị có tài sản gì, nợ nần ai hay cho ai vay mượn gì thì địa phương không biết. Nay anh T xin ly hôn chị T, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình điều tra, thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, việc khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Đàm Thị T của anh Nguyễn Văn T. Giao cả hai con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức các bên đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đàm Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật .

[2] Về quan hệ Hôn nhân và gia đình giữa anh Nguyễn văn T và chị Đàm Thị T thấy rằng:

Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn văn T và chị Đàm Thị T là cuộc hôn nhân tiền bộ và hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện của các bên nên cũng có một thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do đến năm 2016, vợ chồng chung sống không còn hiểu và cảm thông cho nhau, không bảo ban nhau được về làm ăn kinh tế nên sinh ra cãi chửi nhau, tình cảm ngày càng xa cách. Sau đó, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở và chuyển vào thành phố B, tỉnh Đắk Lắk làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng nên anh xin ly hôn chị T. Về phía chị T, anh T xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí. Tuy nhiên do chị đi làm xa nên không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với anh T.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị T đã đến mức căng thẳng, trầm T, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Việc anh T xin ly hôn chị T là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy, để đảm bảo cuộc sống học tập và sinh hoạt ổn định cho cháu T và cháu T, cần giao cho anh T được tiếp tục nuôi cả hai con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Do anh T và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đàm Thị T.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/5/2008 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 10/10/2010 (hiện cả hai cháu đang ở cùng anh T). Anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0003736 ngày 11/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Anh T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện VT;
- Chi cục THADS huyện VT;
- UBND xã V - VT - VP;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trường Sơn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trường Sơn

Nơi nhận:

- VKSND huyện VT;

TÒA

- Chi cục THADS huyện VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

- UBND thị trấn Thổ Tang - VT - VP;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Trường Sơn

